

Bản án số:13/2018/DSST

Ngày:08/03/2018

V/v: Kiện đòi lại tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG TỈNH BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vinh

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Quang

2. Bà Lê Thị Hồng Vinh

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Phương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà: Bà Ngô Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/02/2018 và ngày 08/3/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 35/TLST-DS, ngày 04/10/2017 về việc “Đòi lại tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2017/QĐST-DS, ngày 01/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị L - Sinh năm 1960 - Có mặt

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L1 - Sinh năm 1973 - Vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc H - Luật sư
- Công ty Luật TNHH Đ - Đoàn Luật sư Hà Nội - Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Lâm S - Sinh năm 1994 - Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Phường T, quận Long Biên, Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Hoàng Kim H - Sinh năm 1970 - Xin xét xử vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - Bà L trình bày: Do có quen biết với chị L1 nên bà có cho chị L1 vay tiền làm nhiều lần, đến năm 2012 thì chốt nợ, theo giấy chốt nợ thì chị L1 vay bà 150.000.000đ. Hai bên không thỏa thuận tính lãi, không xác định thời hạn trả nợ, chị L1 đã ký xác nhận nợ. Sau khi vay, chị L1 có nhờ bà chơi hộ hai suất bầu (Phường). Mỗi suất đóng 4.000.000đ/01 tháng. Chị L1 đã đưa cho bà một tháng đầu số tiền 8.000.000đ.

Sau đó, chị L1 không đưa nữa nên bà đã báo chủ phường hủy phường. Chủ phường đã hủy và trả lại bà 8.000.000đ. Bà đã nhận lại số tiền và trừ vào số tiền chị L1 vay. Do vậy, số tiền chị L1 còn nợ bà là 142.000.000đ. Nay bà yêu cầu chị L1 phải trả cho bà số tiền còn nợ, bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn - Chị L1 trình bày: Chị đã được tiếp cận nội dung đơn khởi kiện, giấy vay nợ do bà L xuất trình để khởi kiện. Chị thừa nhận chữ ký trong giấy vay nợ đúng là do chị ký. Chị cho rằng số tiền vay 150.000.000đ vào năm 2012 xảy ra trước khi chơi bầu (phường). Sau đó bà L đã trừ vào tiền đóng phường do bà L chơi hộ (chị không biết chơi với ai) 03 suất, mỗi tháng đóng 9.000.000đ/01 tháng. Qua theo dõi sổ sách, tính đến nay, chị chỉ còn nợ bà L 33.010.000đ.

Do vậy, chị không chấp nhận yêu cầu của bà L. Chị xác nhận còn nợ bà L 33.010.000đ, nên chị chỉ trả bà L số tiền còn nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan: Anh Hoàng Kim Hùng - Người chung sống như vợ chồng với chị L1 từ năm 1993 đến năm 2013 trình bày: Việc vay và trả nợ cũng như sử dụng số tiền vay giữa chị L1 với bà L như thế nào anh không biết, anh không được sử dụng số tiền mà chị L1 vay. Anh từ chối tham gia tố tụng, xin hòa giải và xét xử vắng mặt.

Những người làm chứng:

Ông Lê Danh Q (chồng bà L) và anh Lê Danh H (con trai bà L) cùng trình bày: Ông và con ông không biết gì đến việc vay và trả nợ tiền giữa bà L và chị L1. Ông Q, anh H từ chối tham gia tố tụng và cùng xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có mặt tại phiên tòa ngày 09/02/2018, nhưng đến phiên tòa ngày 08/03/2018 vắng mặt không có lý do.

Kết thúc phân tranh luận, đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại các phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cũng vắng mặt đến 02 lần, dẫn đến vụ án bị kéo dài thời gian giải quyết.

Về hướng giải quyết vụ án, vị đại diện VKS đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L. Buộc chị Nguyễn Thị L1 phải trả bà L số tiền 142.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Giữa bà Trương Thị L và chị Nguyễn Thị L1 có quan hệ hàng xóm, quen thân nhau nên vào năm 2012 bà L có cho chị L1 vay nhiều lần, số tiền vay đến khi chót nợ, tổng cộng là 150.000.000đ, hai bên không tính lãi, không ấn định thời hạn trả nợ. Đến ngày khởi kiện bà L xác nhận chị L1 đã trả được 8.000.000đ, còn nợ 142.000.000đ. Chị L1 thừa nhận có ký giấy nhận nợ số tiền như bà L yêu cầu nhưng việc ký nhận nợ để đóng dần tiền phường mà chị nhờ bà L chơi hộ. Tính đến nay, chị còn nợ bà L 33.010.000đ. Chị chấp nhận trả bà L số tiền 33.010.000đ.

Về ý kiến của vị luật sư tại phiên tòa ngày 09/02/2018 cho rằng: Chị L1 đã có đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà L. Đơn đã gửi Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Phong nên cần đợi kết quả giải quyết của Cơ quan điều tra; Đồng thời vị luật sư cũng đề nghị xác minh thu thập chứng cứ đối với ông Lê Danh Q (chồng bà L) và anh Lê Danh H (con trai bà L), vì khi chị L1 trả tiền cho bà L thì hai người này chứng kiến và biết. Đến phiên tòa ngày 08/3/2018, vị luật sư vắng mặt nên chưa trình bày quan điểm về giải quyết vụ án.

Những nội dung mà vị luật sư đề nghị đã được thu thập làm rõ, thể hiện: Hành vi của bà L không có dấu hiệu tội phạm; Ông Lê Danh Q (chồng bà L) và anh Lê Danh H (con trai bà L) đều khai không biết, không chứng kiến việc vay và trả nợ tiền giữa bà L và chị L1.

Xem xét các tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp cũng như kết quả đối chất thể hiện giấy vay nợ không có nội dung nào xác nhận số tiền vay sẽ chuyển thành tiền đóng bậu (phường, hội, họ) hàng tháng. Tại phiên tòa hôm nay, bà L được xem các giấy tờ mà chị L1 cung cấp, bà thừa nhận giữa bà và chị L1 có chơi bậu với nhau, các giấy tờ do chị L1 xuất trình thể hiện việc theo dõi đóng bậu là đúng; Nhưng bà khẳng định số tiền chơi bậu còn thiếu không liên quan gì đến khoản tiền vay. Bà sẽ khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hội, họ giữa bà và chị L1 bằng vụ kiện dân sự khác.

Xét yêu cầu và lời trình bày của bà L là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về án phí: Buộc chị L1 phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 164, 166, 357, 466, 468, 469, 688 BLDS năm 2015; Điều 26, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L. Buộc chị Nguyễn Thị L1 phải trả cho bà Trương Thị L 142.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, các bên không thỏa thuận được lãi suất thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 268 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L1 phải chịu 7.100.000đ tiền án phí DSST. Trả lại bà L 3.550.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003548 ngày 27/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Đương sự có mặt có quyền quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện
- Thi hành án
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

